TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – THÁI NGUYÊN	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Bản án số: 06/2025/ HNGĐ - ST Ngày 18/9/2025 "V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt Thu.

Các Hội thẩm nhân *dân: 1. Ông Tống Văn* Hiệp;

2. Ông Vũ Đình Hưng.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Xuân – Thư ký của Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Thái Nguyên.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 – Thái Nguyên tham gia phiên tòa:** Bà Đinh Thị Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2025 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 21/2025/TLST- HNGĐ, ngày 18/8/2025 về việc "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn" theo Quy*ết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/QĐST-HNGĐ ngày 27/8/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/QĐST-HNGĐ ngày 11/9/2025 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn**:** Chị Lý Thị Đ, sinh năm 1998; địa chỉ: Tổ H, phường B, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

* Bị đơn: Anh Đào Xuân N, sinh năm 1996; địa chỉ: Tổ H, phường B, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

* Những người làm chứng:

1/ Chị Hoàng Thị H, sinh năm 2002; trú tại: Thôn R, xã C, tỉnh Thái Nguyên.

2/ Bà Vũ Thị H1, sinh năm 1965; trú tại: Tổ H, phường B, tỉnh Thái Nguyên.

Chị H và bà H1 đều vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lý Thị Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Đào Xuân N trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương và có đăng ký kết hôn vào ngày 06/12/2016 tại Ủy ban nhân dân phường S, thành phố

B, tỉnh Bắc Kạn (Nay là Ủy ban nhân dân phường B, tỉnh Thái Nguyên). Sau khi kết hôn, chị và anh N chung sống cùng gia đình chồng tại Tổ H, phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn (Nay là Tổ H, phường B, tỉnh Thái Nguyên). Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc nhưng càng về sau càng nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, bất đồng trong cách nuôi dạy con cái và cách nhìn nhận cuộc sống, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống.

Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên từ năm 2021 chị đã chuyển về nhà mẹ đẻ sinh sống và vợ chồng chị cũng ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian ly thân, hai bên gia đình đã hoà giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả.

Hiện nay vợ chồng chị không còn quan tâm, liên lạc với nhau và xác định không thể hàn gắn được nữa.

Nay chị Đ nhận thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được do vậy yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đào Xuân N.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 người con chung là cháu: Đào Ngọc V, sinh ngày 20/5/2016 và cháu Đào Xuân K, sinh ngày 09/7/2021. Các con chung đều khoẻ mạnh, phát triển bình thường.

Khi ly hôn, chị Đ có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Đào Ngọc V, sinh ngày 20/5/2016 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chị đề nghị giao con Đào Xuân K, sinh ngày 09/7/2021 cho anh Đào Xuân N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị và anh N tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị và anh N không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về vay nợ chung: Chị và anh N không có vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn anh Đào Xuân N: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành giao Thông báo thụ lý vụ án, các Giấy triệu tập và các văn bản tố tụng khác của Tòa án cho mẹ đẻ của anh Đào Xuân N là bà Vũ Thị H1 và bà H1 đã cam đoan sẽ có trách nhiệm thông báo cho anh N biết về nội dung các văn bản tố tụng của Tòa án. Tuy nhiên, trong suốt quá trình giải quyết vụ án anh Đào Xuân N không đến Tòa án làm việc, đến ngày 12/9/2025, Tòa án mới nhận được bản tự khai đề ngày 08/9/2025 của anh Nguyên do bà Vũ Thị H1 (Mẹ đẻ của anh N) giao nộp cho Tòa án. Trong bản tự khai, anh N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh kết hôn với chị Lý Thị Đ trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương và có đăng ký kết hôn vào ngày 06/12/2016 tại Ủy ban nhân dân phường S, thành phố

B, tỉnh Bắc Kạn (Nay là Ủy ban nhân dân phường B, tỉnh Thái Nguyên). Sau khi kết hôn, anh và chị Đ chung sống cùng gia đình anh tại Tổ H, phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn (Nay là Tổ H, phường B, tỉnh Thái Nguyên). Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc nhưng càng về sau càng nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, bất đồng trong cách nuôi dạy con cái và cách nhìn nhận cuộc sống, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống.

Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên anh và chị Đ đã ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Từ khi ly thân thì chị Đ chuyển về nhà mẹ đẻ ở thôn N, xã C, tỉnh Thái Nguyên sinh sống, còn anh vẫn sinh sống cùng mẹ đẻ tại tổ H, phường B, tỉnh Thái Nguyên.

Hiện nay anh với chị Đ không còn quan tâm, liên lạc với nhau và xác định không thể hàn gắn được nữa.

Nay anh nhận thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Đ yêu cầu ly hôn với anh thì anh cũng hoàn toàn nhất trí, đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh được ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng anh có 02 con chung tên là Đào Ngọc V, sinh ngày 20/5/2016 và Đào Xuân K, sinh ngày 09/7/2021. Các con chung đều khỏe mạnh, phát triển bình thường, hiện nay đang sống cùng bà nội của các cháu là bà **Vũ Thị H1** tại Tổ H, phường B, tỉnh Thái Nguyên.

Khi ly hôn, anh có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Đào Xuân K, sinh ngày 09/7/2021 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Trong thời gian anh đi làm ăn ở xa thì anh có nhờ mẹ đẻ của anh là bà Vũ Thị H1 trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu giúp và hàng tháng anh đều gửi tiền về cho bà H1 để nuôi con. Đối với con Đào Ngọc V, sinh ngày 20/5/2016 thì anh đề nghị giao cho chị Lý Thị Đ được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh với chị Đ tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh với chị Đ không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về vay nợ chung: Anh với chị Đ không có vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh N cũng xác nhận đã nhận được các giấy triệu tập và các văn bản tố tụng của Toà án thông báo về phiên họp công khai chứng cứ và phiên toà xét xử vụ án. Tuy nhiên do hiện nay anh đang làm ăn ở xa, công việc rất bận, không xin nghỉ được nên đề nghị Toà án cho anh được vắng mặt trong các buổi làm việc, phiên họp, phiên hòa giải, xét xử và những buổi làm việc khác tại Tòa án cho đến khi giải quyết xong toàn bộ vụ án trên. Anh xin giữ nguyên ý kiến theo bản tự khai đã trình bày ở trên.

Tòa án đã gặp Tổ trưởng, Chi hội trưởng Chi hội phụ nữ tổ H, phường B, tỉnh Thái Nguyên để xác minh tình trạng hôn nhân của chị Lý Thị Đ và anh Đào Xuân N. Qua trao đổi, Tòa án được cung cấp thông tin như sau: Chị Lý Thị Đ và anh Đào Xuân N kết hôn với nhau năm 2016. Sau khi kết hôn, anh chị về chung sống cùng gia đình bà Vũ Thị H1 (Mẹ đẻ của anh N) tại tổ H, phường B, tỉnh Thái Nguyên. Anh N và chị Đ có đăng ký hộ khẩu thường trú và là công dân sinh sống tại tổ H, phường B, tỉnh Thái Nguyên. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc nhưng càng về sau càng nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và bất đồng trong cách nuôi dạy con cái, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Trong thời gian ly thân không thấy anh chị đi lại, thăm nom, quan tâm gì đến nhau nữa.

Qua lấy lời khai của một số người làm chứng là bà Vũ Thị Hữu M đẻ của anh N và chị Hoàng Thị H là em họ của chị Đ thì họ đều cho biết: Chị Lý Thị Đ và anh Đào Xuân N kết hôn với nhau năm 2016. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc nhưng càng về sau càng nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cách nuôi dạy con cái và cách nhìn nhận cuộc sống, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên từ năm 2021 chị Đ đã chuyển về nhà mẹ đẻ sinh sống và vợ chồng chị Đ, anh N cũng ly thân từ đó cho đến nay. Gia đình hai bên cũng có nhiều lần đứng ra hoà giải, khuyên bảo nhưng không có kết quả. Trong thời gian ly thân, anh N và chị Đ không còn đi lại, quan tâm, hỏi han nhau và không thể hàn gắn được nữa.

Ngoài ra, bà Vũ Thị H1 còn có lời khai, hiện nay 02 cháu Đào Ngọc V và Đào Xuân K vẫn đang sinh sống cùng bà. Về điều kiện chỗ ăn ở, sinh hoạt của các cháu thì đầy đủ, tiện nghi. Trong thời gian chị Đ và anh N đi làm ăn xa thì anh chị có gửi 02 con cho bà là người trực tiếp trông nom, chăm sóc giúp. Hàng tháng chị Đ và anh N vẫn gửi tiền cho bà để nuôi các cháu và thỉnh thoảng anh chị vẫn về thăm các con. Bà nhất trí tạo điều kiện về chỗ ăn ở, sinh hoạt cho các cháu đồng thời nhất trí tiếp tục giúp chị Đ và anh N trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 cháu Đào Ngọc V và Đào Xuân K trong thời gian chị Đ và anh N đi làm ăn xa.

Tòa án đã tiến hành ghi nhận ý kiến của cháu Đào Ngọc V, sinh ngày 20/5/2016 thì cháu V cũng có nguyện vọng được sống với mẹ là chị Lý Thị Đ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 – T quan điểm về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa trong quá trình tố tụng, xây dựng hồ sơ và tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn và người làm chứng trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định tại các Điều 70, 71, 78 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn, khi Tòa án triệu tập làm việc đã vắng mặt mà không có lý do, như vậy là thực hiện chưa đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72, 199 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình Tòa án mở phiên tòa để xét xử, nguyên đơn, bị đơn và những người làm chứng vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Do

vậy đề nghị HĐXX căn cứ Điều 227; Điều 228; khoản 2 Điều 229; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 229, 238 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật HNGĐ năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lý Thị Đ.

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lý Thị Đ được ly hôn với anh Đào Xuân N.

+Về con chung: Đề nghị HĐXX giao con Đào Ngọc V, sinh ngày 20/5/2016 cho chị Lý Thị Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi; giao con Đào Xuân K, sinh ngày 09/7/2021 cho anh Đào Xuân N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi.

+Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Đ và anh N tự thoả thuận về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét.

Anh N và chị Đ có quyền đi lại thăm nom và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

+Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết do đương sự không yêu cầu.

+Về án phí: Chị Lý Thị Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]Về tố tụng: Đây là vụ án "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn", bị đơn anh Đào Xuân N có địa chỉ cư trú tại Tổ H, phường B, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Thái Nguyên.

Quá trình giải quyết vụ án, chị Đ đã có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án là phù hợp theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 208 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình Tòa án mở phiên tòa để xét xử, nguyên đơn, bị đơn và những người làm chứng vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Do vậy HĐXX căn cứ Điều 227; Điều 228; khoản 2 Điều 229; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2]Về quan hệ hôn nhân: Chị Lý Thị Đ và anh Đào Xuân N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 06/12/2016 tại Ủy ban nhân dân phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn (Nay là Ủy ban nhân dân phường B, tỉnh Thái Nguyên) nên xác định hôn nhân của chị Đ và anh N là hợp pháp.

Quá trình chung sống giữa hai vợ chồng thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc nhưng về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp tính tình, bất đồng trong sinh hoạt hàng ngày và cách nuôi dạy con cái, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Mẫu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Vợ chồng anh chị đã ly thân từ năm 2021 cho tới nay. Trong thời gian ly thân, vợ chồng không còn quan tâm, liên lạc với nhau và xác định không thể hàn gắn được nữa.

Chị Đ và anh N đều thừa nhận tình cảm vợ chồng đã không còn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đều có ý kiến đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh chị được ly hôn.

Qua lời khai của những người làm chứng và qua xác minh tại địa phương về tình trạng hôn nhân của chị Đ và anh N, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Đ và anh N là thực tế và đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy việc chị Đ xin ly hôn với anh N là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên có căn cứ chấp nhận.

[3]Về con chung: Chị Lý Thị Đ và anh Đào Xuân N có 02 con chung tên là Đào Ngọc V, sinh ngày 20/5/2016 và Đào Xuân K, sinh ngày 09/7/2021. Các con chung đều khỏe mạnh, phát triển bình thường, hiện nay đang sống cùng bà nội của các cháu là bà Vũ Thị H1 tại Tổ H, phường B, tỉnh Thái Nguyên.

Khi ly hôn cả anh N và chị Đ đều có nguyện vọng là giao con chung Đào Ngọc V cho chị Đ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao con chung là cháu Đào Xuân K cho anh Đào Xuân N trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Con chung từ đủ 7 tuổi trở lên là cháu Đào Ngọc V cũng có nguyện vọng được ở với mẹ là chị Lý Thị Đ.

Hội đồng xét xử xét thấy anh N và chị Đ đều có công việc làm và có điều kiện để nuôi con. Mặc dù anh chị hiện nay đều đi làm ăn xa đang gửi 02 con Đào Ngọc V và Đào Xuân K cho bà nội là bà Vũ Thị H1 trông nom, chăm sóc giúp nhưng thỉnh thoảng anh chị vẫn về thăm các con và hàng tháng đều gửi tiền về cho bà H1 để nuôi các cháu. Hơn nữa hiện tại bà H1 vẫn nhất trí tạo điều kiện về chỗ ăn ở, sinh hoạt cho các cháu và tiếp tục giúp anh N, chị Đ trông nom, chăm sóc 02 cháu Đào Ngọc V và Đào Xuân K trong thời gian anh chị đi làm ăn xa. Do vậy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung cũng như tôn trọng ý kiến của các bên thì cần chấp nhận yêu cầu của chị Đ về việc giao con Đào Ngọc V, sinh ngày 20/5/2016 cho chị Lý Thị Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi; giao con Đào Xuân K, sinh ngày 09/7/2021 cho anh Đào Xuân N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Đ và anh N tự thoả thuận về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5]Về tài sản chung: Chị Đ và anh N xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị Đ và anh N xác nhận vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[7]Về án phí: Chị Lý Thị Đ phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 28, khoản 4 điều 147, các Điều 35, 39, 227, 228, 229, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn Lý Thị Đ. Chị Lý Thị Đ được ly hôn với anh Đào Xuân N.

2. Về con chung: Giao con Đào Ngọc V, sinh ngày 20/5/2016 cho chị Lý Thị Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi; giao con Đào Xuân *K, sinh ngày* 09/7/2021 cho anh Đào Xuân N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Đ và anh N tự thoả thuận về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của các con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

4.Về tài sản chung: Chị Đ và anh N xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

5. Về nợ chung: Chị Đ và anh N xác nhận vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

6. Về án phí: Nguyên đơn chị Lý Thị Đ phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị Đ đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000680 ngày 18/8/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên. Chị Lý Thị Đ đã nộp đủ tiền án phí.

7. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận: T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND KV6 -TN;
- THADS tỉnh Thái Nguyên;
- UBND phường Bắc Kạn, tỉnh Thái Nguyên

(Nơi ĐKKH);

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu VT.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Nguyệt Thu